

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sáu - Phó chủ tịch mặt trận tổ quốc huyện Bình Tân

Bà Quách Xuân Đào - Phó hiệu trưởng Trường THPT Tân Lược

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Thái Thành T3, sinh ngày 23/6/2007; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Thành N và bà Lê Thị Út M; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Ông Thái Thành N, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Út M, sinh năm 1979. Cùng cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Bùi Minh T1 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V. (Có mặt)

Bị cáo thứ hai: Võ Thanh H, sinh ngày 03/01/2008; tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: tổ E, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (chết) và bà Lưu Ngọc H1; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2024 đến ngày 16/4/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Ông Võ Văn C, sinh năm 1969 (chết) và bà Lưu Ngọc H1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ E, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Lê Văn N1 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V. (Có mặt)

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 11/01/2024, sau khi Thái Thành T3 và Võ Thanh H nhậu xong tại nhà T3 thì cả hai thống nhất: cầm điện thoại di động của H để lấy tiền mua ma túy về sử dụng, khi nào T3 có tiền thì trả lại cho H một phần hai số tiền mua ma túy đó. H điều khiển xe mô tô biển số 64KA-014.22 chở T3 đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Quốc V tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để cầm điện thoại di động của H được số tiền 150.000 đồng. H tiếp tục chở T3 đến khu vực xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long rồi H đậu xe bên ngoài còn T3 đi vào gặp một người phụ nữ (không rõ họ tên) hỏi mua ma túy với số tiền 100.000 đồng. Lấy được ma túy, T3 cầm trên tay rồi đi ra gặp H để cùng về nhà.

Khi H chạy xe đến khu vực thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì bị Công an huyện B kết hợp với Công an xã T yêu cầu dừng xe kiểm tra. Kết quả phát hiện T3 đang cầm trên tay 01 bịch nylon màu trắng bên trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy) nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ và niêm phong bịch nylon có chữ ký xác nhận của Thái Thành T3.

Qua làm việc, Thái Thành T3 và Võ Thanh H đều thừa nhận trên đường mua ma túy về sử dụng thì bị bắt. (BL: 42, 43, 62-71)

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 bịch nylon trong suốt màu trắng bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghĩ là ma túy đã được niêm phong đúng theo quy định có chữ ký xác nhận của T3 và H.
- 01 xe mô tô biển số 64KA-014.22 đang sử dụng.
- 01 tờ tiền Việt Nam trị giá 50.000 đồng của Thái Thành T3.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành test nhanh chất ma túy trong người Thái Thành T3 và Võ Thanh H. Kết quả: T3, H đều dương tính với chất ma túy loại Heroin.

Theo kết luận giám định số 32/KLGD-PC09 ngày 14/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: “*Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong bịch ni lon niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,1317 gam, loại Methamphetamine*”.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 16/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Thái Thành T3 và Võ Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và ra lệnh tạm giam để điều tra.

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra chứng minh được như sau: (Bút lục: 34-35, 30, 66-67, 52-59).

- Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T3 và H thì không rõ họ tên, địa chỉ ở đâu Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 64KA-014.22 là xe của Võ Thanh H.

- Đối với số tiền Việt Nam 50.000 đồng là tiền của Võ Thanh H không liên quan đến việc mua ma túy.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSBT ngày 06/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can Thái Thành T3 và Võ Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thái Thành T3 và Võ Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38, 58, 91, 101; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 65, 58, 91, 101; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo T3 và H vì các bị cáo là người chưa thành niên.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bịch nylon có chứa 0,0863 gam ma túy được hoàn lại sau giám định.

- Đề nghị trả lại cho bị cáo H: 01 xe mô tô biển số 64KA- 014.22 và số tiền 50.000 đồng

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T3 trình bày: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất,

mức độ hành vi của các bị cáo như là giữa các bị cáo không có sự phân công công việc cụ thể, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên có trình độ thấp, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, 91, 101; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đủ răn đe, giáo dục. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo T3 thống nhất theo lời bào chữa, không có ý kiến gì thêm.

Người đại diện cho bị cáo là ông N, bà M thống nhất theo ý kiến của người bào chữa và không trình bày gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Do bị cáo mất cha từ nhỏ, phải sống với bà ngoại còn mẹ thì đi làm ở S nên thiếu sự quan tâm, dạy dỗ. Khi bị cáo phạm tội là chưa đủ 18 tuổi, bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải từ giai đoạn điều tra cho đến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 65, 91, 101; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo 06 tháng tù treo, thời gian thử thách là 01 năm. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo H thống nhất theo lời bào chữa, không có ý kiến gì thêm.

Người đại diện cho bị cáo H là bà H1 thống nhất theo ý kiến của người bào chữa và không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Ông N, bà M trình bày: Ông bà là cha mẹ của bị cáo T3, ông bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà H1 trình bày: Bà là mẹ của bị cáo H, cha bị cáo đã chết. Bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo đã ân hận và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa. Tuy nhiên, họ có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: khoảng 15 giờ 10 phút ngày 11/01/2024 lực lượng Công an huyện B kết hợp với Công an xã T tuần tra đến khu vực thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện H điều khiển xe mô tô biển số 64KA-01422 chở T3 ngồi phía sau trên tay đang cầm 01 bịch ma túy để về nhà sử dụng nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo Kết luận giám định số 32/KLGD-PC09 ngày 14/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V, kết luận: “*Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bịch nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,1317 gam, loại Methamphetamine*”. (BL 45)

Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong cáo trạng số 17/CT-VKSBT ngày 06/3/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, bởi chất Methamphetamine là một trong những chất ma túy được Nhà nước ta độc quyền quản lý, cấm tàng trữ và sử dụng, nếu ai vi phạm sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội khi dưới 18 tuổi chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án, các bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo vì muốn có ma túy sử dụng nên rủ nhau cầm điện thoại để có tiền mua ma túy. Xét bị cáo T3 là người đi mua ma túy vì vậy hình phạt của bị cáo T3 phải cao hơn so với bị cáo H.

Xét bị cáo H phạm tội khi mới 16 tuổi, có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì cha bị cáo mất sớm, bị cáo phải sống với bà ngoại làm nghề bán vé số mưu sinh; còn mẹ bị cáo đi làm xa kiếm tiền gửi về nuôi bị cáo. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ răn đe.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo T3 và H là không có theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo. Riêng bị cáo T3 có câu ruột là liệt sĩ tên Lê Văn Đ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo chưa có tiền án, có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[5] Xét các bị cáo phạm tội khi dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo T3 và H.

[6] Đối với người phụ nữ bán ma túy cho các bị cáo thì không xác định được tên và lý lịch cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được khi nào làm rõ xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 bịch nylon có chứa 0,0863 gam ma túy được hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 64KA- 014.22 và số tiền 50.000 đồng của bị cáo H vì đây là tài sản riêng, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T3 là có cơ sở nên được chấp nhận về mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

[9] Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo H là có cơ sở nên được chấp nhận về mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Thái Thành T3 và Võ Thanh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 38, 58, 91, 101; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Thái Thành T3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2024.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, 65, 58, 91, 101; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Thái Thành T3 và Võ Thanh H.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 32/KL-KTHS bên trong chứa vỏ bao gói và chất ma túy còn lại sau giám định là 0,0863gam (Không phải không ngàn tám trăm sáu mươi ba gam).

- Trả lại: 01 (một) xe mô tô biển số 64KA- 014.22 đã qua sử dụng và số tiền 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) có mệnh giá Việt Nam cho bị cáo Võ Thanh H.

Lưu theo hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD ghi âm, ghi hình ảnh hồi cung các bị cáo Thái Thành T3, Võ Thanh H để làm chứng cứ.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/3/2024 và Biên lai thu tiền số 0006317 ngày 08/3/2024).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Thái Thành T3 và Võ Thanh H mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Tân An Thạnh
- Các bị cáo
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thanh Hùng